

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-5-2026.

V/v: “*Kiện ly hôn và tranh
chấp nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiều Hmok.

2. Ông Lâm Tấn Đạt.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2026 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 8 mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 29/12/2025 về việc “*Kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hà T, sinh năm 1990. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Số CCCD/CMND: 066190021819.

Nơi cư trú: Số 13 Kỳ Đ, TDP 5, phường Cư B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Trần Nguyễn Quốc T, sinh năm 1984. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Số CCCD/CMND: 240817532.

Nơi cư trú: Số 51 Kỳ Đ, TDP 5, phường Cư B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị T trình bày:

- Về quan hệ tình cảm: Chị T và anh T về sống chung với nhau từ năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Tân (nay là phường Cư Bao), tỉnh Đắk Lắk, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi về sống chung hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng nhiều quan điểm, không tin tưởng và tôn trọng nhau, anh T thường xuyên chơi bài bạc, nên xảy ra nhiều cuộc cãi vã làm mất tình cảm vợ chồng, năm 2023 thì sống ly thân, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Trần My L, sinh ngày 08/6/2016 và Trần Khả U, sinh ngày 05/4/2018, con chung hiện do anh T nuôi dưỡng, nay ly hôn chị T có nguyện vọng nhận nuôi con chung là Trần My L.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu được nuôi con chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án anh T là bị đơn: Cố tình lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của anh T và anh T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Cho chị T được ly hôn với anh T, giao cho chị T và anh T mỗi người nuôi 01 con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Việc chị Nguyễn Thị Hà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Nguyễn Quốc T, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T cố tình lẩn tránh, không hợp tác, vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi anh T cư trú. Căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Pháp luật về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T về sống chung với nhau từ năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND phường Cư Bao, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 14/2015/KH ngày 23/3/2015, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng nhiều quan điểm, không tin tưởng và tôn trọng nhau, anh T thường xuyên chơi bài bạc, nên xảy ra nhiều cuộc cãi vã làm mất tình cảm vợ chồng, năm 2023 thì sống ly thân, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Căn cứ vào lời khai của chị T và qua xác minh tại nơi chị T và anh T sinh sống, thì chị T và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại hai người đã sống ly thân. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung. Nhận thấy, sau khi sống ly thân anh T là người trực tiếp nuôi con, nay ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con chung Trần My L, sinh ngày 08/6/2016 và giao con chung là Trần Khả U, sinh ngày 05/4/2018 cho anh T. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T là phù hợp, nên cần chấp nhận.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh T mỗi người nuôi 01 con chung, nên không đề cập xem xét.

2.4. Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hà T

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị Hà T được ly hôn với anh Trần Nguyễn Quốc T.

2. *Về con chung:* Giao con chung Trần My L, sinh ngày 08/6/2016 cho chị T và giao con chung Trần Khả U, sinh ngày 05/4/2018 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị T và anh T mỗi người nuôi 01 con chung, nên không đề cập xem xét.

Chị T và anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. *Về tài sản và nợ chung:* Chị T không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét.

5. *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0006192 ngày 26/12/2025.

6. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 8 – Đắk Lắk;
- UBND P. Cư Bao, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ